

Số: 805 /TB-ĐHKTKTCN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO

V/v xếp lớp học phần Tiếng Anh tại HK 2 năm học 2021-2022 đối với sinh viên đại học khóa 15 và khóa 14 chưa đạt chuẩn đầu vào

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học 2021 – 2022 và các quy định hiện hành về việc học ngoại ngữ - tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ khóa 15 tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp. Nhà trường thông báo cho các Phòng, Khoa, các lớp sinh viên có liên quan về việc xếp lớp đối với học phần tiếng Anh tại học kỳ 2 năm học 2021-2022 cho sinh viên đại học khóa 15 và sinh viên khóa 14 chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh như sau:

1. Tiêu chí xếp lớp:

- Theo điểm bài thi Tiếng Anh THPT QG năm 2021.
- Phiếu điểm các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Ghi chú: Trường hợp sinh viên không có điểm thi tiếng Anh THPT QG năm 2021, chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và sinh viên khóa 14 chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh được xếp vào học tại các lớp Tiếng Anh tăng cường đầu vào.

2. Dự kiến xếp lớp

2.1 Xếp lớp theo điểm bài thi Tiếng Anh THPT QG năm 2021 (Xem chi tiết tại **Phụ lục 1 mục 1** của thông báo này)

a) Đối với sinh viên có điểm thi dưới 5:

- Học phần được xếp: Tiếng Anh tăng cường đầu vào theo nguyện vọng của sinh viên.
Sinh viên không đăng ký học có thể tự học để đạt được chuẩn đầu vào tiếng Anh theo Quyết định số 65/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/3/2021 (có file QĐ 65 gửi kèm theo).
- Đối với các SV đăng ký học học phần Tiếng Anh tăng cường đầu vào cần thực hiện:
+ **Nộp học phí thực hiện theo thông báo nộp học phí HK 2 năm học 2021-2022** (sẽ có thông báo nộp học phí HK 2 đến sinh viên sau).
+ Sinh viên đã đăng ký học nhưng không đóng học phí theo kế hoạch vẫn phải chịu công nợ của các học phần đó và không được thi các học phần khác trong học kỳ 2 năm học 2021 – 2022.

b) Đối với sinh viên có điểm thi từ 5 đến dưới 7:

Sinh viên được xếp học học phần Tiếng Anh 1 và đóng học phí theo quy định.

c) Đối với sinh viên có điểm từ 7 trở lên:

- Sinh viên được xếp học vượt ở học kỳ 2/8 của khóa học. Ở học kỳ này, tất cả sinh viên học vượt được tính điểm học phần tiếng Anh 1 theo quy đổi điểm tại **Phụ lục 1 mục 3** của thông báo này và nộp học phí học phần tiếng Anh 1 theo quy định.
- Sinh viên đã nộp học phí học phần tiếng Anh 1, KHÔNG phải đóng học phí đối với học phần học vượt trong HK 2 năm học 2021 - 2022. Điểm kết thúc của học phần học vượt được xác định điều kiện học vượt và điểm quy đổi cho các học kỳ kế tiếp. Chi tiết sinh viên xem trong **Phụ lục 1 mục 3** của thông báo này.

2.2 Xếp lớp theo chứng chỉ quốc tế và quy đổi điểm học phần (Xem chi tiết tại **Phụ lục 2** của thông báo này (Trích **Phụ lục 4a**, **Quyết định số 65/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/3/2021** của Hiệu trưởng Trường Đại học KTKTCN có điều chỉnh).

3. Xếp lớp chính thức

3.1 Kiểm tra và xác nhận thông tin

- Sinh viên xem **Danh sách học phần xếp lớp** tại *Phụ lục 1 mục 2* của thông báo này (bao gồm toàn bộ sinh viên khóa 15 trừ ngành Ngôn ngữ Anh; sinh viên khóa 14 chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh).
- Sinh viên trong danh sách tại *Phụ lục 1 mục 2* cần xác nhận thông tin về việc xếp lớp ở link sau: <https://forms.gle/3oXwKfHVrjByADgu9> (Biểu mẫu gồm việc xác nhận xếp lớp, phản hồi, ý kiến khác, nộp đơn, giấy tờ liên quan ...)
- Ngày kết thúc điền thông tin xác nhận: **15/01/2022**.
- Trường hợp sinh viên không xác nhận thông tin theo đường link trong mục 3.1 sẽ học theo lớp đã được xếp trong *Phụ lục 1 mục 2*

3.2 Điều chỉnh xếp lớp

Trường hợp sinh viên muốn thay đổi lớp học đã được xếp trong *Phụ lục 1 mục 2*, cần thực hiện như sau:

- Tự làm bài **Test đánh giá năng lực** tiếng Anh trực tuyến (**kỹ năng Nghe, Đọc**) bắt đầu từ **10/01/2022** đến **15/01/2022**.
 - o Listening Test: <https://tinyurl.com/3vm3kmfu>
 - o Reading Test: <https://tinyurl.com/2p99ej7h>Sinh viên xem bảng quy đổi điểm Nghe, Đọc của bài **Test đánh giá năng lực** tại *Phụ lục 3 mục 3* của thông báo này.
- Căn cứ kết quả bài **Test đánh giá năng lực** tiếng Anh trực tuyến của mình, sinh viên làm theo hướng dẫn trong link Google Form: <https://forms.gle/3oXwKfHVrjByADgu9> để hủy học phần được xếp và đăng ký lớp học phù hợp với trình độ.
 - Đối với sinh viên có nguyện vọng được học học phần có trình độ cao hơn học phần đã được xếp tại *Phụ lục 1 mục 2*, phải làm bài kiểm tra **Vấn đáp** và đạt điểm từ 5 trở lên. Trường hợp điểm bài kiểm tra dưới 5, sinh viên sẽ học tại học phần đã được xếp lớp (*thông tin về bài kiểm tra Vấn đáp sẽ có thông báo sau*).
 - Đối với sinh viên có nguyện vọng được học học phần có trình độ thấp hơn học phần đã được xếp lớp theo *Phụ lục 1 mục 2* (*học lùi*), sinh viên cần hủy học phần được xếp và đăng ký học phần muốn lùi cho phù hợp trong link Google Form nói trên. Sinh viên sẽ được xếp vào lớp học lùi theo nguyện vọng.

Ghi chú: Mục đích của bài Test đánh giá năng lực giúp sinh viên xác định được năng lực tiếng Anh hiện tại của mình để chọn lớp tiếng Anh phù hợp. Sinh viên nên chọn lớp có trình độ phù hợp với trình độ hiện tại của mình để việc học tập được hiệu quả nhất.

3.3 Xếp lớp chính thức: sẽ công bố ở thông báo tiếp theo.

4. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ nội dung thông báo, Nhà trường yêu cầu CVHT các lớp liên quan có trách nhiệm thông báo, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở sinh viên lớp mình thực hiện theo đúng kế hoạch; Các đơn vị, cá nhân, sinh viên trong toàn trường theo chức năng nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt theo đúng kế hoạch.

Nơi nhân:

- Các đơn vị;
- Website trường;
- Lưu VT-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

PHỤ LỤC 1: Xếp lớp học phần tiếng Anh học kỳ 2/8 năm học 2021-2022 cho sinh viên K15

1. Xếp lớp học phần theo điểm Tiếng Anh THPT năm 2021

TT	Điểm thi Tiếng Anh THPT QG	Học phần (HP) được xếp	Học phần xét miễn ở học kỳ 2	Điểm quy đổi HP Tiếng Anh 1	Ghi chú
1	Dưới 5	Tiếng Anh tăng cường đầu vào			HP không bắt buộc
2	5 - 6.8	Tiếng Anh 1			
3	7 - 7.8	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 1	7	
4	8 - 8.8	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 1	8	
5	9 - 10	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 1	9	

- Các học phần bắt buộc trong chương trình: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3 và Tiếng Anh 4.
- Các học phần không bắt buộc: Tiếng Anh tăng cường đầu vào, Tiếng Anh 5, Tiếng Anh 6, Tiếng Anh 7 và Tiếng Anh 8.
- Nếu sinh viên đạt các HP học vượt thì được xếp học vượt lên học phần tiếp theo ở học kỳ sau.
- Nếu không đạt thì học lại học phần đó.

2. Danh sách xếp lớp học phần tiếng Anh

Sinh viên xem danh sách xếp lớp theo đường link sau:

- Đối với sinh viên khóa 15 xem theo đường link: <https://tinyurl.com/2p8ftv4p>
- Đối với sinh viên khóa 14 xem theo đường link: <https://tinyurl.com/2v75uf8a>

3. Xác định kết quả học tập đối với các học phần học vượt

TT	Học phần học vượt so với kế hoạch chung	Điểm đối với học phần được miễn (nếu đạt đối với học phần học vượt)
1	Học vượt so với tiến độ chung 1 học phần	7
2	Học vượt so với tiến độ chung 2 học phần	8
3	Học vượt so với tiến độ chung 3 học phần	9
4	Học vượt so với tiến độ chung 4 học phần	10

- Trường hợp sinh viên học vượt có kết quả học phần học vượt cao hơn mức điểm quy đổi thì sinh viên được công nhận theo điểm đã đạt được của học phần học vượt.
- Sinh viên học vượt chỉ đóng học phí học phần tiếng Anh được quy đổi tại học kỳ đó. Học phần học vượt KHÔNG phải đóng học phí.
- Sinh viên được xếp học vượt nếu không học phải làm đơn đề nghị hủy học phần học vượt theo mẫu tại link Google Form và làm theo hướng dẫn trong link: <https://forms.gle/3oXwKfHVrjByADgu9>.
- Quy trình thực hiện theo thông báo của từng học kỳ.

PHỤ LỤC 2: Bảng quy đổi điểm các chứng chỉ quốc tế tiếng Anh đối với sinh viên không chuyên ngữ

(Trích từ Phụ lục 4a, Quyết định số 65/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 02/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học KTKTCN có điều chỉnh) theo

TT	Điểm TOEIC Quốc tế Test ⁽¹⁾ (990)	Điểm TOEFL iBT ⁽²⁾ (120)	TOEFL ITP (677)	Điểm IELTS ⁽³⁾ (9.0)	Điểm Cambridge English (230)	Trình độ	Khung NLNN Việt Nam	Khung Tham chiếu Châu Âu	Điểm học phần quy đổi			
									Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4
1	900 945	120 110	650-677	9.0 8.0	200 – 230 CPE	Cao cấp	6	C2	10	10	10	10
2	940 850	109 94	590-649	7.5 7.0	180 – dưới 200 CAE		5	C1	10	10	10	10
3	845 650	93 50	550-589	6.5 6.0	160 – dưới 180 FCE	Trung cấp	4	B2	10	10	10	10
4	600	46	500	5.5	160		4	B2	10	10	10	10
5	550	41	480	5.0	150 – PET		3	B1	10	10	10	10
6	500	36	460	4.5	145 – PET		3	B1	10	10	10	9
7	450	31	450	4.5	140 – PET		3	B1	10	10	9	8
8	400	30	425	4	x	Sơ cấp	2	A2	10	9	8	7
9	350	30	400	3.5	x		2	A2	9	8	7	x
10	300	30	380	3	x		2	A2	8	7	x	x
11	250	30	360	2.5	x		2	A2	7	x	x	x

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ **TOEIC**: Test of English for International Communication.
⁽²⁾ **TOEFL**: Test of English as a Foreign Language.
⁽³⁾ **IELTS**: International English Language Testing Service.

**PHỤ LỤC 3: Bảng quy đổi điểm Nghe, Đọc của bài Test đánh giá năng lực
tiếng Anh trực tuyến dạng TOEIC**

Số câu đúng	Điểm Nghe	Điểm Đọc
0	5	5
1	5	5
2	5	5
3	5	5
4	5	5
5	5	5
6	5	5
7	10	5
8	15	5
9	20	5
10	25	10
11	30	15
12	35	20
13	40	25
14	45	30
15	50	35
16	55	40
17	60	45
18	65	50
19	70	55
20	75	60
21	80	65
22	85	70
23	90	75
24	95	80
25	100	90
26	105	95
27	110	100
28	115	110
29	120	115
30	125	120
31	135	125
32	140	130
33	145	135
34	150	140
35	155	145
36	160	150
37	165	155
38	170	160
39	180	170
40	185	175

Số câu đúng	Điểm Nghe	Điểm Đọc
41	190	180
42	195	185
43	200	195
44	210	200
45	220	205
46	225	210
47	230	220
48	235	225
49	240	230
50	245	235
51	250	240
52	255	250
53	260	255
54	270	260
55	275	270
56	280	275
57	285	280
58	295	285
59	300	290
60	305	295
61	310	300
62	315	305
63	320	310
64	325	320
65	330	325
66	335	330
67	340	335
68	345	340
69	350	345
70	360	350
71	365	355
72	370	360
73	375	365
74	380	370
75	390	375
76	395	380
77	400	385
78	405	390
79	410	395
80	420	400
81	425	405

Số câu đúng	Điểm Nghe	Điểm Đọc
82	430	405
83	435	410
84	440	415
85	450	420
86	455	425
87	460	430
88	470	435
89	475	445
90	480	450
91	485	455

Số câu đúng	Điểm Nghe	Điểm Đọc
92	490	465
93	495	470
94	495	480
95	495	485
96	495	490
97	495	495
98	495	495
99	495	495
100	495	495

Điểm theo học phần tham khảo

TT	Tên học phần	Tên HP viết tắt	Số tín chỉ	Tổng điểm bài Test đánh giá năng lực tiếng Anh (Nghe + Đọc) dạng TOEIC	Ghi chú
1	Tiếng Anh tăng cường đầu vào	TATCDV TOEIC	3	dưới 200	Chỉ dùng để sinh viên tự tham khảo và đánh giá năng lực tiếng Anh
2	Tiếng Anh 1	TA1	4	200 - 270	
3	Tiếng Anh 2	TA2	4	275 - 345	
4	Tiếng Anh 3	TA3	4	350 - 420	
5	Tiếng Anh 4	TA4	4	Từ 425	